

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 31/7/2023.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN - TỈNH BẮC NINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khánh Uẩn.

Ông Nguyễn Đăng Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Anh Thơ - Thư ký TAND TP.Từ Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tại trụ sở TAND thành phố Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: Số 448, Lý Thường K, khu phố Đa H, phường Châu Khê, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Lưu Thị V, sinh năm 1997. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số 20, ngách 5, ngõ 574, khu phố Đa H, phường Châu K, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:

Tôi (Đ) kết hôn với chị Lưu Thị V, năm 2014 trước khi kết hôn cả hai bên được tự do tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) theo quy định của pháp luật. Nhưng thực tế chúng tôi

chung sống với nhau từ năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ; tháng 08 năm 2022 vợ tôi đã làm đơn xin ly hôn quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã hòa giải chúng tôi về đoàn tụ tuy nhiên vợ chồng vẫn sống ly thân không có hạnh phúc từ đó cho tới nay. Nay tôi (Đ) xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn giải quyết cho tôi được ly hôn chị Lưu Thị V.

Về con chung: Anh Phạm Văn Đ xác nhận quá trình chung sống đến nay vợ chồng có một con chung là: Phạm Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2013. Hiện cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T do anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Cấp dưỡng phí tổn nuôi con anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng. Hiện nay anh Đ làm nghề lái xe vận chuyển hàng hóa xe của gia đình anh có thu nhập ổn định và đảm bảo được cuộc sống cho hai bố con.

Về tài sản chung, riêng: Anh Đ xác nhận là trong thời gian vợ chồng chung sống vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ và ruộng canh tác: Anh Đ xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Vợ chồng không có ruộng đất gì. Khi ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai biên bản ghi lời khai tại Tòa án chị V xác nhận lời trình bày của anh Đ về quan hệ vợ chồng, con chung nguyên nhân mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng tuy nhiên chị không nhất trí ly hôn vì vợ chồng có một số tài sản chung và công nợ vợ chồng không thỏa thuận được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị V; Chị V có đơn đề nghị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Lưu Thị V và nuôi con chung khi ly hôn.

Tại phiên toà chị V được tòa án triệu tập hợp và chị V có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 232, 235, 262, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn anh chị Lưu Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2013 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Chị V được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phía bị đơn chị V có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ kết hôn với chị Lưu Thị V, ngày 08 tháng 07 năm 2014, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ; Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và Chị V là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, đã nhiều lần anh chị đã sống ly thân; năm 2022 chị V đã có đơn xin ly hôn anh Đ tại Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn sau đó chị V lại rút đơn Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án để vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau khi rút đơn vợ chồng vẫn sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho tới nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị V nhưng chị không nhất trí ly hôn và nếu ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết chị được nuôi con chung và tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ và yêu cầu chị V cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu của chị V; tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2023 và đơn đề nghị của chị V cùng ngày chị V đã tự nguyện xin rút yêu cầu và nhất trí ly hôn với anh Đ về con chung chị đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khi ly hôn và chị xin được vắng mặt tại phiên họp tiến cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Đ; lời trình bày của chị V là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ với chị Lưu Thị V là phù hợp.

Về con chung: Anh Phạm Văn Đ và chị Lưu Thị V đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 20/04/2013. Hiện cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T do anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ và nguyện vọng của cháu T cũng như ý kiến của chị V cũng nhất trí sau khi vợ chồng ly hôn chị nhất trí giao cháu T cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên cần chấp nhận theo nguyện vọng của các bên là phù hợp chính đáng do vậy cần giao con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2013 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị V được quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

Về tài sản, công nợ, Công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Anh Phạm Văn Đ và chị Lưu Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn Đ.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn anh chị Lưu Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc T, sinh ngày 20 tháng 04 năm 2013 cho anh Phạm Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Chị V được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2022/ 000464 ngày 04/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết kết quả bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Từ Sơn;
- THA TP. Từ Sơn;
- UBND P Châu Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Ngô Mạnh Hải – Trần Khánh Uẩn

Nguyễn Huy Tuấn